

ĐÁP ÁN THI MÔN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ K38 HỌC KỲ PHỤ

Thi ngày 9/9/2016

Câu 1:

1. Đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 100/2006/NĐ-CP
2. Sai theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 74 Luật SHTT, những dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ có thể được bảo hộ là nhãn hiệu nếu dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.
3. Sai theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 Luật SHTT.
4. Sai theo quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật SHTT, văn bằng bảo hộ sáng chế có hiệu lực trong 20 năm tính từ ngày nộp đơn.
5. Sai vì nhãn hiệu là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau theo Khoản 1 Điều 72 Luật SHTT. Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh theo Khoản 21 Điều 4 Luật SHTT.
6. Sai theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật SHTT, quyền nhân thân quy định tại Khoản 1,2 và 4 Điều 19 Luật SHTT được bảo hộ vô thời hạn.

Câu 2: Phân biệt giữa nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Tiêu chí	Nhãn hiệu	Chỉ dẫn địa lý
Khái niệm	Khoản 16 Điều 4 Luật SHTT	Khoản 22 Điều 4 Luật SHTT
Đối tượng áp dụng	Hàng hóa, dịch vụ	Hàng hóa
Chức năng	Dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau	Dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.
Điều kiện bảo hộ	Điều 72, 73, 74 Luật SHTT	Điều 79,80 Luật SHTT
Thời hạn bảo hộ	Khoản 6 Điều 93 Luật SHTT	Khoản 7 Điều 93 Luật SHTT
Chủ sở hữu	Tổ chức, cá nhân	Nhà nước
Chuyển giao	Được phép chuyển nhượng quyền sở	Không được chuyển nhượng

QSHCN	hữu và chuyển giao quyền sử dụng	quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng
-------	----------------------------------	---

Câu 3:

1. Công ty K không có khả năng đăng ký do dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 73 Luật SHTT.

2. Công ty B có xâm phạm quyền đối với kiểu dáng công nghiệp của Công ty A theo quy định tại Khoản 1 Điều 126 Luật SHTT và Điều 5 Nghị định 105/2006/NĐ-CP.

- Nếu Công ty B cho rằng họ không xâm phạm quyền đối với KDCN của Công ty A thì phải chứng minh Công ty B có quyền sử dụng trước theo quy định tại Điều 134 Luật SHTT.